

# TÌNH THÁI TỪ

## I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Hiểu được thế nào là tình thái từ.
- Biết sử dụng tình thái từ phù hợp với tình huống giao tiếp.

## II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Về thuật ngữ *tình thái từ* và lí do tách tình thái từ thành một loại riêng, chúng tôi đã trình bày ở bài trước. Tình thái từ có đặc tính ngữ pháp là không có khả năng độc lập tạo thành câu, cũng không làm thành phần biệt lập của câu như thán từ.

Tình thái từ có nhiều công dụng :

a) Có những tình thái từ là phương tiện để cấu tạo câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán. Tình thái từ dùng để cấu tạo câu nghi vấn như *à, ư, hả, hử, chứ, chẳng,...* Tình thái từ dùng để cấu tạo câu cầu khiến như *đi, nào, với,...* Tình thái từ dùng để cấu tạo câu cảm thán như *thay, sao,...* Nói những tình thái từ này là phương tiện cấu tạo câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán vì nếu lược bỏ chúng thì câu không còn ý nghĩa nghi vấn, cầu khiến, cảm thán nữa.

- *Mẹ về rồi à ?* → *Mẹ về rồi.*

- *Anh về đi !* → *Anh về.*

- *Em bé ấy đáng thương thay !* → *Em bé ấy đáng thương.*

b) Có những tình thái từ không phải là phương tiện cấu tạo ba loại câu trên mà dùng để biểu thị sắc thái tình cảm, thái độ người nói như *à, nhé, cơ, mà, vậy,...*

Một số tình thái từ thuộc loại này có khi cũng xuất hiện ở câu nghi vấn, câu cầu khiến nhưng không phải là phương tiện cấu tạo các loại câu đó, bởi lẽ không có chúng, ý nghĩa nghi vấn, cầu khiến vẫn còn tồn tại.

- *Ông là người Hà Nội phải không ạ ?* → *Ông là người Hà Nội phải không ?*

- *Anh ăn đi chứ !* → *Anh ăn đi !*

Sự phân biệt hai loại tình thái từ như trên là căn cứ vào đặc điểm ngữ pháp của mỗi loại. Điều này không phủ nhận một số tình thái từ loại (a) làm phương tiện biểu thị ý nghĩa nghi vấn, cầu khiến, cảm thán có kèm theo sắc thái tình cảm, thái độ. Ví dụ :

- *Con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót Binh Tư để có cái ăn ư ?*

(Nam Cao, *Lão Hạc*)

*Ư* ở đây biểu thị ý nghĩa nghi vấn, với thái độ phân vân.

- *Anh thương em với !*

*Với* ở đây biểu thị ý nghĩa cầu khiến, với thái độ tha thiết mong muốn.

Tình thái từ *thay* tất nhiên biểu thị ý nghĩa cảm thán với thái độ cảm xúc cao.

2. Dạy bài này, GV nên lưu ý HS phân biệt tình thái từ với các từ đồng âm, khác nghĩa, khác từ loại. Chẳng hạn phân biệt *nào* tình thái từ với *nào* đại từ nghi vấn, *nào* thán từ ; phân biệt *chứ* tình thái từ với *chứ* quan hệ từ ; phân biệt *đi* tình thái từ với *đi* động từ,...

3. Trong tiếng Việt, số lượng tình thái từ không nhiều. Nhưng việc sử dụng tình thái từ không phải bao giờ cũng đơn giản. Ở trình độ lớp 8, HS đã hiểu được và sử dụng thành thạo tình thái từ. Nhưng cũng có một số tình thái từ HS chưa hiểu hết được ý nghĩa của chúng. Mà có khi hiểu được cũng mới chỉ là cảm tính. Học về tình thái từ chính là để nâng cao nhận thức, biết hiển ngôn hoá ý nghĩa của tình thái từ. Vì vậy, tùy tình hình thực tế, GV có thể chọn một số tình thái từ mà HS chưa quen dùng hoặc dùng sai để giải thích cho HS. Cần lưu ý HS cần trọng trong việc dùng tình thái từ, có ý thức sử dụng tình thái từ phù hợp với tình huống giao tiếp, thể hiện tính lịch sự, lễ phép trong giao tiếp. Làm như thế tức là giáo dục văn hoá giao tiếp ngôn ngữ cho HS.

Học về tình thái từ không chỉ dừng lại ở nhận thức mà còn phải tạo thói quen sử dụng tình thái từ để đạt được tính lịch sự, lễ phép trong giao tiếp. Thực tế cho thấy rằng một số HS do thiếu sự giáo dục chu đáo của gia đình nên không có được thói quen đó. Từ *ạ* là một từ thông thường nhưng nó lại thiếu vắng trong lời nói của một số HS khi nói chuyện với người lớn. Không phải là những HS đó không hiểu được giá trị của từ *ạ* mà là do thói quen. Bởi vậy, việc bồi dưỡng thói quen giao tiếp có văn hoá nên là mối quan tâm thường xuyên của giáo dục ngôn ngữ trong trường học.

### III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

#### **Hoạt động 1.** Tìm hiểu chức năng của tình thái từ.

Câu hỏi 1 gợi dẫn HS dùng thao tác lược bỏ, so sánh để tìm hiểu chức năng của các từ in đậm. Ở ví dụ (a) nếu lược bỏ từ *à* thì câu này không còn là câu nghi vấn nữa. Ở ví dụ (b) nếu không có từ *đi* thì câu này không còn là câu cầu khiến nữa. Ở ví dụ (c) nếu không có từ *thay* thì câu cảm thán không tạo lập được. Như vậy, có thể thấy rằng *à* là từ để tạo lập câu nghi vấn, *đi* là từ để tạo lập câu cầu khiến, *thay* là từ để tạo lập câu cảm thán. Câu hỏi 2 gợi dẫn HS thấy rõ có những tình thái từ tuy không có chức năng tạo lập câu như trên nhưng có tác dụng biểu thị thái độ, sắc thái tình cảm. "*Em chào cô.*" và "*Em chào cô ạ.*" đều là câu chào nhưng câu sau thể hiện mức độ lễ phép cao hơn.

Cuối hoạt động này, GV hướng dẫn HS rút ra kết luận về chức năng của tình thái từ như đã nêu ở phần *Ghi nhớ*.

#### **Hoạt động 2.** Tìm hiểu cách sử dụng tình thái từ.

– *Bạn chưa về à ?* (hỏi, thân mật)

- *Thấy một ạ ?* (hỏi, kính trọng)
- *Bạn giúp tôi một tay nhé !* (cầu khiến, thân mật)
- *Bác giúp cháu một tay ạ !* (cầu khiến, kính trọng)

Ngoài các ví dụ trong SGK, GV có thể chọn thêm một số ví dụ khác. Nếu chọn được những ví dụ HS dùng tình thái từ không phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp để phân tích lỗi thì rất tốt.

Từ sự phân tích trên, GV gợi dẫn HS đi đến kết luận như đã trình bày trong phần *Ghi nhớ*.

**Hoạt động 3.** Hướng dẫn làm bài tập.

Các bài tập 1, 2, 3 làm ở lớp. Bài tập 4, 5 có thể làm ở nhà.

#### IV – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

**Bài tập 1.**

- |        |        |        |        |
|--------|--------|--------|--------|
| a) (-) | c) (+) | e) (+) | h) (-) |
| b) (+) | d) (-) | g) (-) | i) (+) |

**Bài tập 2.**

- a) *chứ*: nghi vấn, dùng trong trường hợp điều muốn hỏi đã ít nhiều khẳng định.
- b) *chứ*: nhấn mạnh điều vừa khẳng định, cho là không thể khác được.
- c) *ư*: hỏi, với thái độ phân vân.
- d) *nhỉ*: thái độ thân mật.
- e) *nhé*: dạn dò, thái độ thân mật.
- g) *vậy*: thái độ miễn cưỡng.
- h) *cơ mà*: thái độ thuyết phục.

**Bài tập 3.** GV nhắc nhở HS nên phân biệt tình thái từ *mà* với quan hệ từ *mà*, tình thái từ *đấy* với chỉ từ *đấy*, tình thái từ *thôi* với động từ *thôi*, tình thái từ *vậy* với đại từ *vậy*.

**Bài tập 4.** Trong câu hỏi, cần xác định hai thành phần ý nghĩa :

- Nội dung việc muốn hỏi.
- Ý hỏi và sự thể hiện quan hệ giữa người hỏi với người tiếp nhận câu hỏi.

**Bài tập 5.** Dùng phương pháp đối chiếu tình thái từ toàn dân với tình thái từ địa phương để tìm.

## V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

– Nguyễn Kim Thản, *Nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1997.

– Đinh Văn Đức, *Ngữ pháp tiếng Việt (từ loại)*, Sđd.